

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Lưu Thị N, sinh năm 1995; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: khối phố N B 1, phường Hòa X T, thị xã Đ H, tỉnh P Y.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* chị Trần Thị Thùy Dân, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn Phước Phú Đông, xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

**- Bị đơn:** anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn A L, xã Q Ph, huyện Q S, tỉnh Q N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2022, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N trình bày tại phiên tòa:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân Tây, huyện Đ H, tỉnh P

Y vào năm 2015. Sau khoảng thời gian 06 năm sống chung, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị N nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 29/4/2016. Từ nhỏ đến nay cháu đều sống với chị N nên chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Theo bản tự khai ngày 18/01/2023 bị đơn anh Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lưu Thị N kết hôn năm 2015. Vì lý do có nhiều bất đồng trong cuộc sống gia đình nên chị N yêu cầu ly hôn. Anh mong Tòa án xem xét để hai vợ chồng được hàn gắn lại tình cảm và cùng nhau nuôi dạy con tốt hơn.

Về con chung: anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 29/4/2016. Nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Ph và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Biên bản xác minh ngày 10/10/2022, Ủy ban nhân dân xã Quế Phong cung cấp “Trong quá trình chung sống tại địa phương, giữa chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn gì thì địa phương không rõ. Giữa chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 29/4/2016”.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 266, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lưu Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: thôn A L, xã Q Ph, huyện Q S, tỉnh Q N. Nay

chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ và nuôi con, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân Tây, huyện Đ H, tỉnh P Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 248 ngày 21 tháng 10 năm 2015, vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh Đ không lo cho cuộc sống gia đình; hiện nay chị và anh Đ không còn chung sống, quan tâm lẫn nhau nữa. Anh Đ trình bày mong muốn đoàn tụ gia đình, nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải và mở phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị N vẫn kiên quyết ly hôn nên mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: chị N và anh Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 29/4/2016. Khi ly hôn, chị N và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu Ph đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và sinh sống cùng chị tại khối phố N B 1, phường Hòa X T, thị xã Đ H, tỉnh P Y. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cung cấp Phiếu lương tháng 9, 10, 11 năm 2022, công việc là thợ may với mức thu nhập trung bình 12.400.000 đồng/tháng đảm bảo điều kiện nuôi con. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Ph nên giao cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lưu Thị Nở phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lưu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 29/4/2016 cho chị Lưu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lưu Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Lưu Thị N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004810 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thọ**